

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 07/05/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	796,54	108,31
Thay đổi (%)	1,78%	1,55%
KLGD (triệu CP)	240,80	46,79
GTGD (tỷ VND)	4.372,05	475,30
Số CP tăng giá	215	78
Số Cp đứng giá	68	66
Số Cp giảm giá	130	68
Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,75	0,97
PE (lần)	12,75	9,38
Hệ số Beta	0,99	0,89
ROE (%)	17,24%	14,54%
ROA (%)	7,27%	5,16%
Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	26,37	9,32
GTGD (tỷ VNĐ)	750,47	115,75
Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	586,14	5,70
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-635,39	-12,49
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-120,34	-6,79
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-127,13	
Chỉ số HĐTĐ	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	739,98	14,04
VN30F2005	742,0	24,0
VN30F2006	731,5	26,5
VN30F2009	720,3	23,3
VN30F2012	728,0	31,5
Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	23.664,64	-0,91%
S&P 500 *	2.848,42	-0,70%
DAX *	10.606,20	-1,15%
FTSE 100 *	5.853,76	0,07%
Nikkei 225	19.674,77	0,28%
Hang Seng	23.980,63	-0,65%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Vn-Index tiếp tục tăng hơn 14 điểm, SAB và HPG "dậy sóng".

Diễn biến thị trường:

Sau phiên bùng nổ cả về thanh khoản lẫn điểm số hôm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam phiên hôm nay tiếp tục bứt phá khi VnIndex tăng mạnh ngay từ những phút đầu mở cửa. Dòng tiền liên tục đổ vào thị trường, giúp các chỉ số duy trì được đà tăng suốt toàn bộ phiên giao dịch, và Vn-Index thậm chí còn đóng cửa ở mức cao nhất ngày với mức tăng gần 14 điểm. Trong đó, nhóm Bluechips tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường, nổi bật là cổ phiếu SAB tăng trần lên 169.000 đồng, HPG tăng mạnh 6,3% lên 23.600 đồng, VJC tăng 2,8%, VNM tăng 1,9%, MSN tăng 1,4%,... Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu đầu ngành ngân hàng cũng giao dịch khá tích cực như VCB tăng 3,1%, BID tăng 4,3%, VPB tăng 2,6%, hay MBB tăng 2,2%, và đóng góp không nhỏ vào mức tăng của chỉ số chung.

Xét trên toàn thị trường, có thể thấy dòng tiền đang có sự lan tỏa khá tốt, khi sắc xanh xuất hiện ở hầu hết các cổ phiếu và nhóm ngành. Các nhóm ngành mang tính thị trường như chứng khoán, xây dựng, bất động sản đồng loạt tăng điểm tích cực. Bên cạnh đó, nhóm hàng không với các mã HVN, VJC, AST, SCS,... cũng có một phiên giao dịch khởi sắc, với kỳ vọng tần suất bay sẽ được khôi phục trở lại và nhu cầu nội địa sẽ giúp cho hãng hàng không bớt khó khăn. Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL đều đóng cửa tăng mạnh, đáng chú ý HĐTL F2005 đã đảo chiều từ basis âm sang dương 2 điểm so với VN30-Index, cho thấy tâm lý giới đầu tư đang khá lạc quan đối với xu hướng thị trường.

Về giao dịch khối ngoại, khối này tiếp tục có phiên bán ròng cổ phiếu trên cả hai sàn, nhưng giá trị bán ròng đã không còn đột biến như phiên trước đó, và đạt khoảng 130 tỷ đồng. Trong đó, áp lực bán tập trung vào một số cổ phiếu như SVC (28 tỷ đồng), VIC (22,7 tỷ đồng), VRE (20,5 tỷ đồng), BVH (19 tỷ đồng),...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất âm ảm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 11.800 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp của thị trường chứng khoán Việt Nam, với việc chỉ số Vn-Index tiếp tục duy trì đà tăng điểm ấn tượng, và đóng cửa tiến gần tới mốc 800 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay dù không còn đột biến như phiên trước đó, nhưng nếu trừ đi lượng GDTT, tổng giá trị giao dịch trên hai sàn vẫn đạt gần 4.000 tỷ đồng, cho thấy dòng tiền đang có xu hướng quay trở lại thị trường khá tích cực. Chúng tôi nhận định rằng, sau hơn 20 ngày không có ca nhiễm mới Covid-19 trong cộng đồng, niềm tin của giới đầu tư đã được cải thiện đáng kể, và các hoạt động sản xuất kinh doanh đang dần quay trở lại quỹ đạo. Trước những diễn biến tích cực đó, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị quý nhà đầu tư mở thêm các vị thế mua mới, và tăng thêm tỷ trọng ở những cổ phiếu đang cho lợi nhuận trong danh mục.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH LŨY	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Phiên tăng điểm thứ 2 khá ấn tượng của chứng trường Việt Nam với thanh khoản duy trì ở mức khá. Tâm lý của giới đầu tư đang khá lạc quan sau phiên tăng mạnh hôm qua và có khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong các phiên tới.

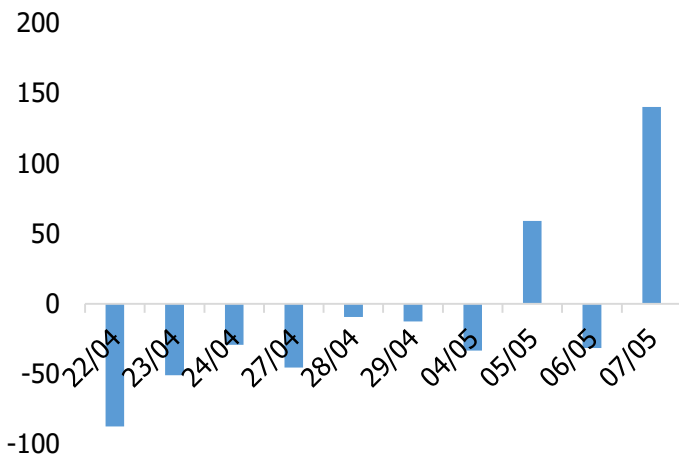
Kể tiếp sự bút phá hôm qua, thị trường tiếp nối đà hứng phấn với một khoảng Gap tăng giá và duy trì cho đến hết phiên trong ngày giao dịch hôm nay. Sau khi vượt qua các đường trung bình MA7, MA18 thì Vn-index đang hướng đến đường trung bình MA65 với một thanh nền tăng khá mạnh bám lại dải trên của chỉ báo Bollinger Bands. Điều đó phản ánh tín hiệu tích cực của thị trường và xác suất cao sẽ duy trì đà tăng trong các phiên tới. Trước những diễn biến khá lạc quan đó, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị quý nhà đầu mở thêm vị thế mua và tăng thêm tỷ trọng ở những danh mục đã mua hôm qua và có lợi nhuận.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

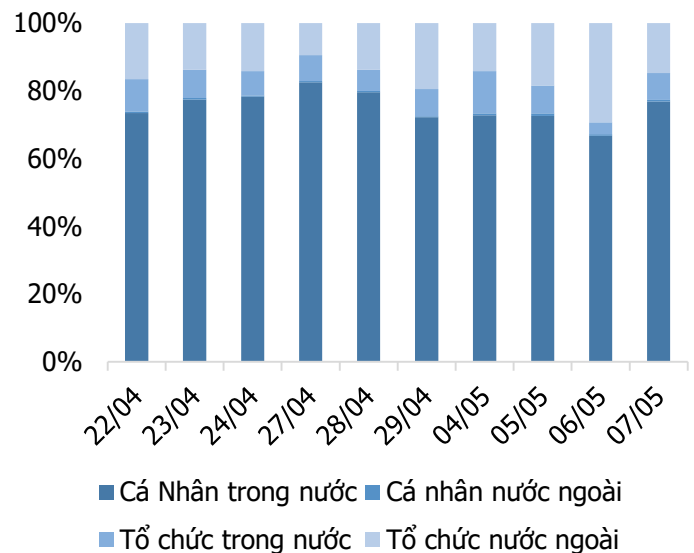
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



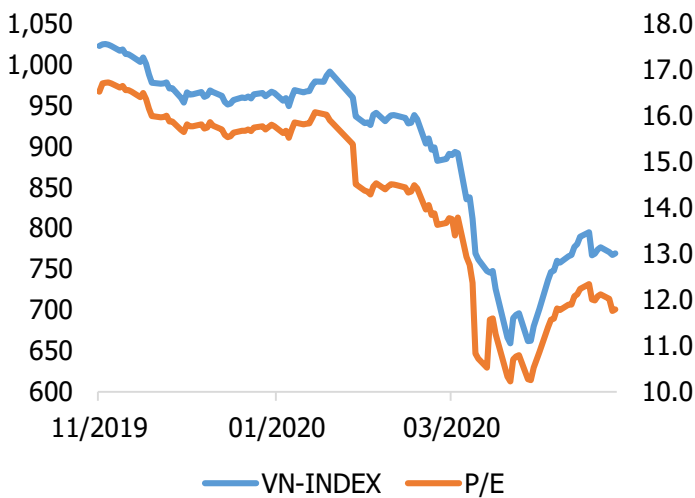
Giao dịch theo NĐT



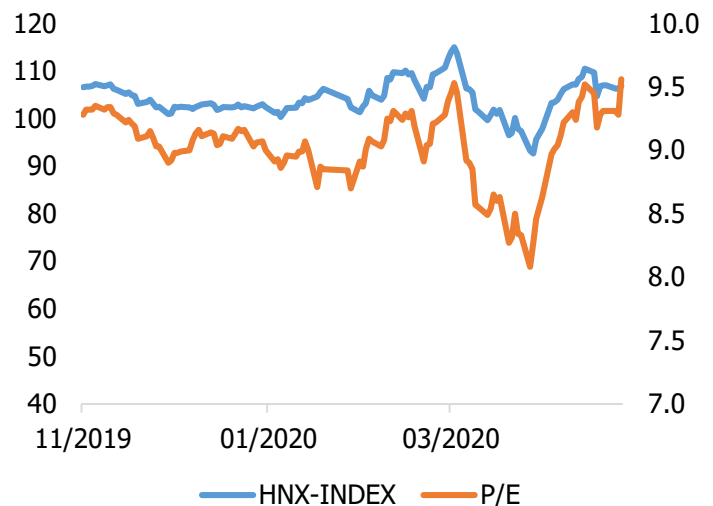
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	23,600	41,209.79
FPT	53,500	23,601.76
MWG	82,600	19,680.34
MBB	16,300	19,016.13
VCB	69,700	18,958.75

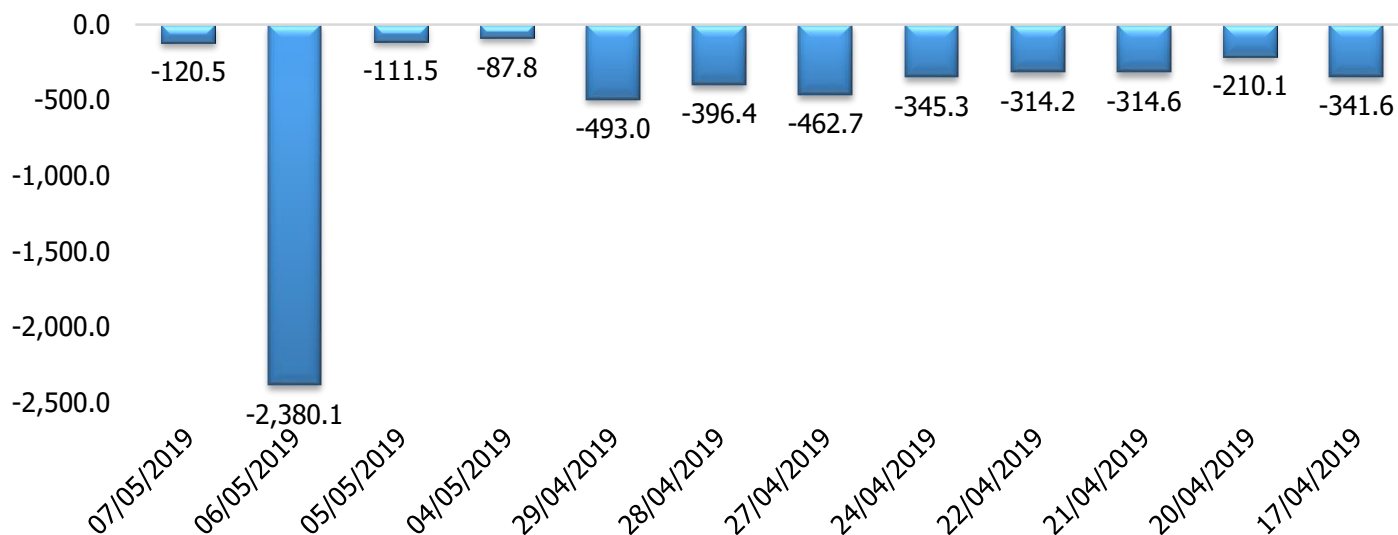
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
KDH	21,150	21,100.00
HPG	23,600	8,188.65
E1VFN30	12,350	5,068.87
VCB	69,700	4,499.93
FPT	53,500	4,059.54

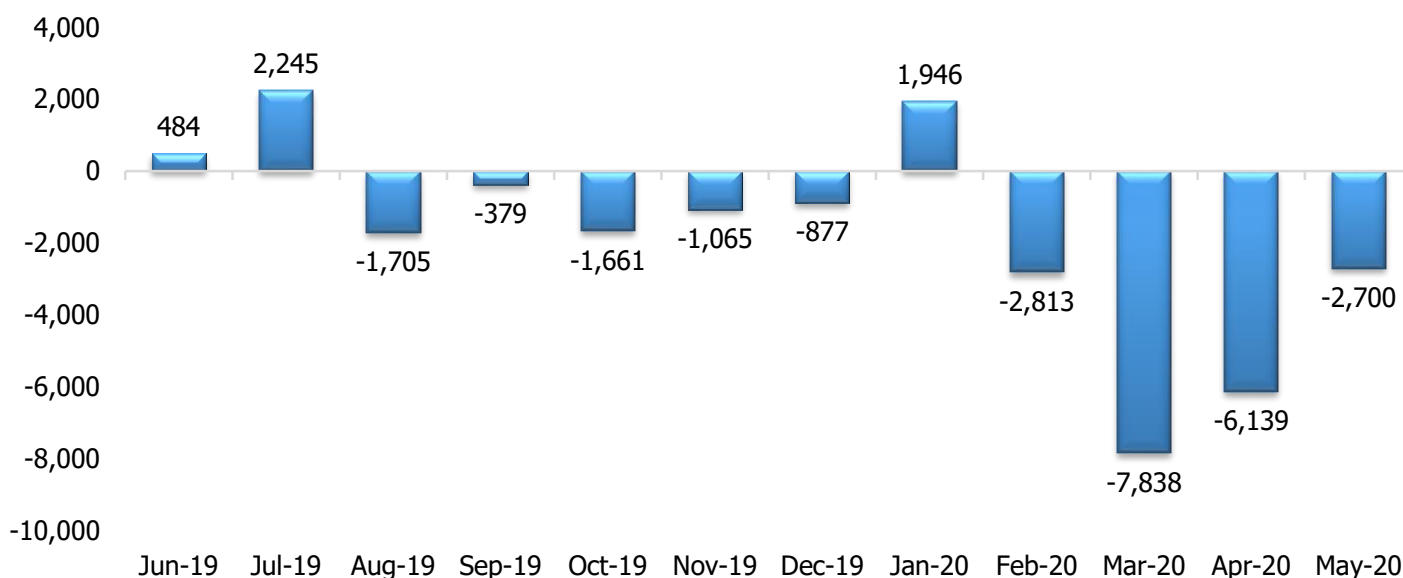
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

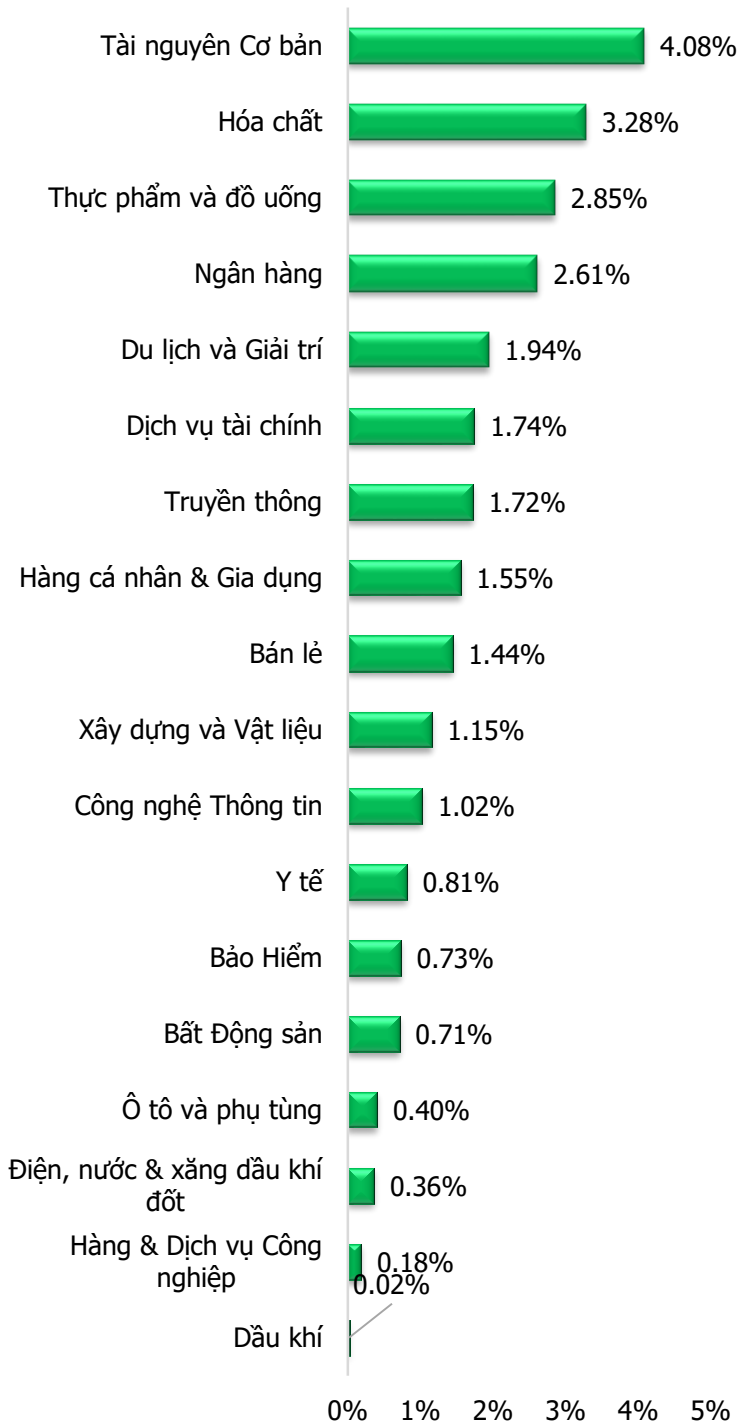
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HPG	40.40	SVC	27.97
VNM	39.98	VIC	22.57
VPB	14.38	VRE	20.48
PLX	13.79	BVH	19.09
BID	9.16	VCB	17.24

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

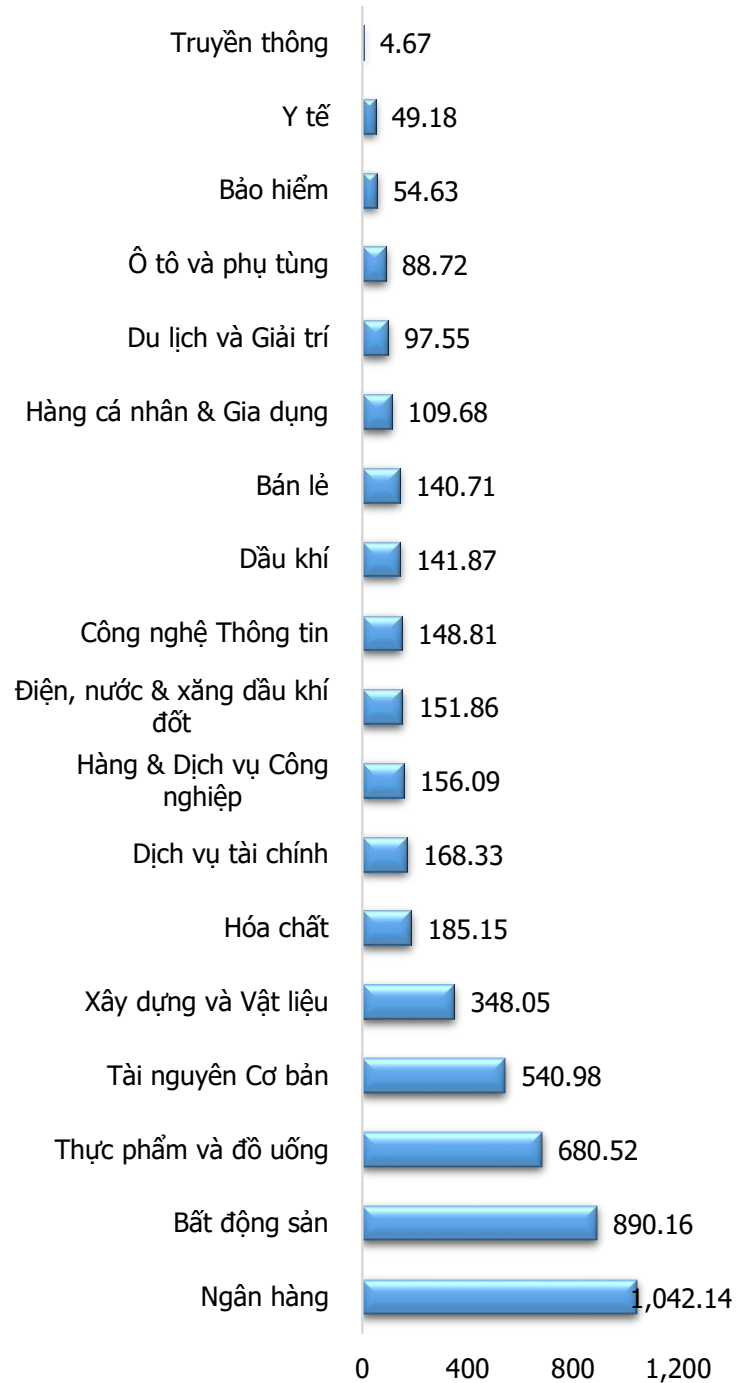
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	3.13	SHB	4.35
VCG	0.73	PVS	3.81
PLC	0.42	SHS	1.25
SLS	0.12	LHC	0.84
LAS	0.12	BVS	0.70

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	ANV	17.2	19.0	15.6	17.35	17.00					Chờ khớp
	C47	8.6	9.5	7.8	8.76	8.50					Chờ khớp
	DSN	45.6	50.5	41.5	45.50	45.10					Chờ khớp
	GIL	17.9	19.8	16.3	18.10	17.70					Chờ khớp
	VCS	64.4	71.5	58.7	64.90	63.80					Mua thêm
	VGI	27.4	30.4	24.9	27.90	27.10					Chờ khớp
	GAS	67.5	74.8	61.5	68.70	66.80					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nằm Giữ	HDC	17.5	19.4	15.9	17.50	17.30		5/7/2020		1.2%	Nằm giữ
	OIL	7.7	8.5	7.0	7.70	7.60		5/7/2020		1.3%	Nằm giữ
	DHC	37.9	42.0	34.5	37.90	37.50		5/4/2020		1.1%	Nằm giữ
	PME	61.1	67.8	55.7	60.20	60.50		4/29/2020		-0.5%	Nằm giữ
	HBC	8.0	8.8	7.3	7.80	7.90		4/28/2020		-1.3%	Nằm giữ
	ILB	15.3	16.9	13.9	15.20	15.10		4/28/2020		0.7%	Nằm giữ
	DRI	4.1	4.6	3.8	3.90	4.10		4/27/2020		-4.9%	Nằm giữ
	PAC	20.7	23.0	18.9	22.05	20.50		4/27/2020		7.6%	Nằm giữ
	BSR	6.1	6.7	5.5	6.00	6.00		4/21/2020		0.0%	Nằm giữ
	CII	19.4	21.5	17.7	19.80	19.20		4/21/2020		3.1%	Nằm giữ
	PLX	43.2	47.9	39.4	42.05	42.80		4/21/2020		-1.8%	Nằm giữ
	SAS	27.5	30.5	25.0	27.90	27.20		4/21/2020		2.6%	Nằm giữ
	SNZ	18.9	20.9	17.2	22.70	18.70		4/21/2020		21.4%	Nằm giữ
	TIG	5.8	6.4	5.2	5.60	5.70		4/21/2020		-1.8%	Nằm giữ
	VCR	8.6	9.5	7.8	8.20	8.50		4/21/2020		-3.5%	Nằm giữ
	VCS	60.8	67.4	55.4	64.90	60.20		4/21/2020		7.8%	Nằm giữ
	HMC	12.6	14.0	11.5	13.05	12.50		4/20/2020		4.4%	Nằm giữ
	SMB	29.9	33.2	27.2	30.10	29.60		4/15/2020		1.7%	Nằm giữ
	SIP	72.8	80.8	66.3	79.60	72.10		4/14/2020		10.4%	Nằm giữ
	C32	20.7	23.0	18.9	25.30	20.50		4/13/2020		23.4%	Nằm giữ
C69	5.2	5.7	4.7	6.10	5.10		4/13/2020		19.6%	Nằm giữ	
VTP	112.1	124.3	102.1	124.90	111.00		4/10/2020		12.5%	Nằm giữ	
LPB	6.5	7.2	5.9	7.10	6.40		4/7/2020		10.9%	Nằm giữ	
SJS	16.1	17.8	14.6	19.00	15.90		4/7/2020		19.5%	Nằm giữ	
MSN	53.0	58.8	48.3	58.80	52.50		3/9/2020		12.0%	Nằm giữ	
DP3	64.6	71.7	58.9	69.00	64.00		8/5/2019		7.8%	Nằm giữ	
Danh Mục Đã Bán	TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán
	DCL	21.9	24.3	20.0	20.20	21.70	20.65	4/20/2020	5/7/2020	-4.8%	Đã bán
	DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
	DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20	9.50	4/21/2020	5/5/2020	-6.9%	Đã bán
	HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
	BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
	DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
	TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán
	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
	FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
	CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán
	GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán
	AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán
	FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán
	HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán
	DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán
	MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán	
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán	

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VHC	32,100	2,100	7.00%	1,023,070
VNE	4,590	300	6.99%	400,640
HRC	34,450	2,250	6.99%	630
BTT	42,200	2,750	6.97%	20
SAB	169,000	11,000	6.96%	63,680

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VIG	900	100	12.50%	127,000
HHG	1,100	100	10.00%	12,400
MCF	9,900	900	10.00%	100
DST	2,200	200	10.00%	262,300
VHE	5,500	500	10.00%	27,500

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TCR	3,640	-270	-6.91%	1,720
SCD	24,150	-1,800	-6.94%	340
VPG	16,700	-1,250	-6.96%	2,930
HTL	12,000	-900	-6.98%	1,000
NAV	18,600	-1,400	-7.00%	7,690

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DL1	16,200	-1,800	-10.00%	100
BPC	10,800	-1,200	-10.00%	400
WCS	153,000	-17,000	-10.00%	140
MEC	700	-100	-12.50%	30,903
SPP	400	-100	-20.00%	139,772

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	23,600	1,400	6.31%	14,733,250
STB	9,340	200	2.19%	12,175,430
HSG	7,930	-190	-2.34%	9,366,520
CTG	20,400	200	0.99%	7,523,830
MBB	16,300	350	2.19%	6,237,880

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NVB	7,900	100	1.28%	3,352,900
PVX	800	0	0.00%	2,991,036
ACB	21,200	400	1.92%	2,973,997
CEO	7,000	200	2.94%	1,848,711
SHS	8,600	500	6.17%	1,644,398

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	23,600	1,400	6.31%	14,733,250
STB	9,340	200	2.19%	12,175,430
HSG	7,930	-190	-2.34%	9,366,520
CTG	20,400	200	0.99%	7,523,830
ITA	2,580	0	0.00%	6,934,620

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	1,900	100	5.56%	5,109,145
NVB	7,900	100	1.28%	3,352,900
PVX	800	0	0.00%	2,991,036
ACB	21,200	400	1.92%	2,973,997
PVS	12,000	-100	-0.83%	2,655,538

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	144,793	18,921	2,158	0.7%	16.2%	16.68	1.90	1,041,108	37,550	12.50%
2	CTD	4,974	111,923	8,456	11.2%	22.5%	7.71	0.58	170,555	67,000	-43.73%
3	CTG	75,213	21,018	2,510	0.7%	11.9%	8.05	0.96	7,011,672	20,400	-1.22%
4	BVH	34,518	25,993	1,128	1.3%	8.4%	41.23	1.79	336,945	46,950	-35.33%
5	PLX	49,955	15,779	1,032	5.8%	16.2%	40.64	2.66	541,682	42,050	-24.63%
6	EIB	18,441	13,142	774	0.9%	8.6%	19.38	1.14	2,994,447	15,100	-12.79%
7	FPT	36,060	21,624	4,800	11.7%	23.0%	11.02	2.45	2,061,016	53,500	24.15%
8	GAS	131,297	26,569	5,875	17.5%	25.7%	11.68	2.58	500,383	68,700	-34.96%
9	POW	23,302	11,670	878	3.9%	8.9%	11.33	0.85	3,507,234	10,200	-30.18%
10	HDB	20,671	20,360	3,782	1.4%	18.6%	5.66	1.05	1,964,514	21,300	-21.61%
11	HPG	61,296	18,066	2,895	16.4%	26.8%	7.67	1.23	7,886,552	23,600	-13.72%
12	MBB	38,462	17,421	3,334	1.4%	14.9%	4.78	0.92	6,168,904	16,300	-19.88%
13	MSN	67,799	36,258	3,952	8.9%	26.1%	14.68	1.60	2,289,554	58,800	-33.33%
14	MWG	36,769	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.21	2.75	1,121,238	82,600	-1.44%
15	NVL	51,386	23,335	3,639	3.7%	13.6%	14.57	2.27	1,538,220	53,100	-8.78%
16	PNJ	12,723	22,139	5,238	18.8%	28.3%	10.79	2.55	805,956	57,500	-23.52%
17	REE	9,426	32,671	4,975	11.6%	19.1%	6.11	0.93	838,548	30,600	2.89%
18	ROS	2,049	10,645	270	7.6%	14.0%	13.37	0.34	18,413,410	3,570	-88.16%
19	SAB	101,322	26,870	7,068	22.0%	30.1%	22.35	5.88	204,167	169,000	-32.70%
20	SBT	8,669	12,584	174	3.0%	8.0%	81.90	1.13	2,576,496	14,250	-17.57%
21	SSI	7,782	15,336	1,165	6.6%	14.4%	11.12	0.84	2,192,900	13,200	-37.73%
22	STB	16,485	15,273	1,329	0.4%	6.3%	6.88	0.60	7,295,384	9,340	-24.15%
23	TCB	61,427	18,356	2,987	3.1%	25.6%	5.88	0.96	4,707,689	17,700	-24.68%
24	VCB	250,720	22,914	4,849	1.2%	20.3%	13.94	2.95	1,133,848	69,700	2.87%
25	VHM	220,397	19,128	7,688	0.0%	0.0%	8.71	3.50	1,956,614	67,600	-23.81%
26	VIC	321,331	23,007	2,023	1.6%	5.8%	46.96	4.13	876,827	96,000	-15.33%
27	VJC	58,722	26,545	3,328	15.1%	45.4%	33.68	4.22	501,198	115,200	-4.43%
28	VNM	176,750	17,234	6,061	28.5%	38.9%	16.75	5.89	1,786,262	103,400	-18.43%
29	VPB	50,827	18,264	3,749	2.6%	24.1%	5.56	1.14	5,481,733	21,400	13.01%
30	VRE	56,808	12,063	1,180	5.6%	7.9%	21.18	2.07	3,266,298	24,800	-26.88%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs,research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com